

Bản án số: 38/2024/HSST
Ngày 25/6/2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- **THnh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Vũ Văn Cén, là giáo viên
- Bà Lê Thu Phương, là cán bộ đoàn thanh niên

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Xuân Đình, Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2024/TLST-HS ngày 17/4/2024, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2024/QĐXXST-HS ngày 12/6/2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Bảo N sinh ngày 03/5/2009; tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nơi cư trú xóm 1, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hóa 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D và bà Nguyễn Thị N1; vợ con chưa có; tiền sự không; tiền án không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 03/11/2023 tại Trại tạm giam Công an tỉnh Ninh Bình cho đến nay; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo N: Bà Nguyễn Thị N1 sinh năm 1984; địa chỉ xóm Thổ Tiến, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; là mẹ đẻ bị cáo N; có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo N: Trợ giúp viên pháp lý Phạm Thị Mên, thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý NH nước tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người bị hại: Cháu Phạm Quỳnh C sinh ngày 29/7/2010; địa chỉ xóm 4, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người đại diện hợp pháp của cháu C: Bà Nguyễn Thị Ngoan sinh năm 1989; địa chỉ xóm 6, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Người có quyền, nghĩa vụ liên quan: Anh Trịnh Văn H sinh năm 1985; địa chỉ thôn N Đồng, xã Y, huyện Y, tỉnh N Định; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 28/9/2023 Tú, THnh và H1 đứng chơi ở khu vực Cầu Âu, xã Khánh Thiện; Tú nhìn thấy cháu C điều khiển xe máy điện biển kiểm soát

35MĐ2-006.77 đi qua nên xin cháu C cho Tú, H1 và THnh đi nhờ xe. Cháu C đồng ý, đưa xe cho THnh điều khiển chở Tú, H1 và cháu C đi về nh H1. Trên đường đi cháu C nói chuyện và nói C sinh năm 2010. Khi đến cổng nh H1 thì H1 xuống xe đi về nh, còn THnh tiếp tục điều khiển xe chở Tú và cháu C đến nh N ở xóm Thổ Tiến, xã K. Trên đường đi THnh thấy cháu C sử dụng điện thoại Samsung Glaxy A13 nên nảy sinh ý định Cắm đoạt Céc điện thoại này của cháu C. THnh nói với Tú “Nhảy điện thoại” Tú hiểu và đồng ý Cắm đoạt điện thoại của cháu C. Sau đó Tú, THnh và cháu C đến nh N chơi đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì Tú, THnh, N rủ cháu C đi chơi. Cháu C đồng ý điều khiển xe máy điện biển kiểm soát 35MĐ2-006.77 chở Tú, THnh, N đi đến xã Khánh Cường. Lúc này THnh nảy sinh ý định Cắm đoạt xe máy điện và điện thoại của cháu C nên nói với Tú, N “Nhảy cả xe cả điện thoại đi H Nội”. Tú và N đều hiểu ý của THnh là rủ Cắm đoạt xe máy điện và điện thoại của cháu C để bán lấy tiền đi H Nội chơi, nên đồng ý. Khi đến đoạn đường vắng thuộc cánh đồng xóm 6, N Cường, xã Khánh Cường; THnh nói cháu C dừng lại, cháu C dừng xe dựng chân chống và đứng cạnh xe; thì THnh đe dọa cháu C “Một là mày mất máy, hai là mất xe”, cháu C hoảng sợ nên lùi lại khoảng 2 đến 3 mét. Khi N, THnh, Tú định lấy xe máy điện biển kiểm soát 35MĐ2-006.77 điều khiển bỏ đi thì cháu C bật đèn Flas điện thoại. Thấy vậy Tú và THnh chạy đến giật lấy Céc điện thoại của cháu C nhưng bị cháu C giữ lại. Tú đe dọa “Đ. con mẹ mày đưa điện thoại đây”, còn THnh đâm 01 phát trúng vào khuỷu tay phải của cháu C và giằng lấy điện thoại. N thấy vậy cũng lao đến đâm cháu C nhưng không trúng. Cháu C hoảng sợ bỏ chạy về phía khu dân cư cách đó khoảng 300 mét. Sau khi Cắm đoạt được xe máy điện và điện thoại của cháu C; N điều khiển xe máy điện chở THnh và Tú bỏ đi. Trên đường đi N, THnh và Tú bàn bạc thống nhất đưa xe máy điện biển kiểm soát 35MĐ2-006.77 sang tỉnh N Định tìm nơi tiêu thụ. N điều khiển xe máy điện chở THnh và Tú đi qua đò Lục Bộ sang xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh N Định thì xe bị hết điện, cả ba đẩy xe đi một đoạn thì gặp 02 thanh niên (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) nên đã nhờ đẩy xe tìm chỗ bán. Sau đó 02 thanh niên này đã đẩy giúp xe máy điện đến Cửa Hng xe máy điện của anh H ở thôn N Đồng, xã Yên Đồng, huyện Ý Yên, tỉnh N Định. Tại đây N, Tú, THnh bán xe máy điện biển kiểm soát 35MĐ2-006.77 cho anh H được 2.300.000 đồng. N, Tú, THnh trả công cho 02 thanh niên 100.000 đồng; số tiền còn lại Ca cho Tú 1.200.000 đồng, THnh 1.000.000 đồng còn N được hưởng Céc điện thoại Samsung Glaxy A13 đã Cắm đoạt được của cháu C.

Sau khi bị N, THnh, Tú Cắm đoạt xe máy điện và điện thoại, cháu C chạy vào nh anh Mạnh ở xóm 6, N Cường, xã Khánh Cường, mượn điện thoại của anh Mạnh gọi điện báo cho gia đình. Gia đình cháu C đã đến đón cháu C và trình báo sự việc với Cơ quan Công an; Cơ quan điều tra Công an huyện Y đã xác minh, rà soát và tiến Hnh triệu tập THnh, Tú, N. Quá trình làm việc THnh, Tú, N khai nhận Hnh vi dùng vũ lực Cắm đoạt tài sản của cháu C. N giao nộp 01 điện thoại Samsung Glaxy A13 đã Cắm đoạt được của cháu C; THnh giao nộp 1.100.000 đồng (gồm số tiền 1.000.000 đồng đã Cắm hưởng và 100.000 đồng là số tiền khắc phục do đã đưa cho hai thanh niên); Tú giao nộp 1.200.000 đồng; anh H giao nộp 01 xe máy điện biển kiểm soát 35MĐ2-006.77.

Kết luận định giá tài sản số 35/KL-ĐGTS ngày 27/10/2023 của Hội đồng định giá tài sản vi phạm trong lĩnh vực tố tụng hình sự huyện Y kết luận: Giá trị của xe máy điện nhãn hiệu JVC, loại xe XMEN F1, biển kiểm soát 35MĐ2-066.77 tại thời điểm ngày 28/9/2023 là 4.000.000 đồng; điện thoại Samsung Galaxy A13 tại thời điểm ngày 28/9/2023 là 1.100.000 đồng.

Cáo trạng số 27/CT-VKSYK ngày 17/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo N về tội “Cướp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát trình bày Luận tội đối với bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Nguyễn Bảo N phạm tội “Cướp tài sản”.

- Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 168; Điều 17; Điều 38; Điều 50; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 91; khoản 2 Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Bảo N từ 42 tháng đến 48 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/11/2023.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Bảo N.

Tại phiên tòa Trợ giúp viên pháp lý Phạm Thị Mên bào chữa cho bị cáo N trình bày: Bị cáo N bị Viện kiểm sát truy tố về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo đó là; bị cáo là người chưa tHnh niên phạm tội, tự nguyện bồi thường thiệt hại, tHnh khẩn khai báo ăn năn hối cải, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo N theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 90, Điều 91; Điều 98; Điều 101; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo với mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

Tại phiên tòa bị cáo N khai nhận Hnh vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng là đúng. Nói lời sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về Hnh vi của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của người bị hại, người liên quan về thời gian, địa điểm, Hnh vi của bị cáo và tài sản Cầm đoạt, nên có đủ cơ sở khẳng định:

Tối ngày 28/9/2023 tại khu vực cánh đồng thuộc địa phận xóm 6, N Cường, xã Khánh Cường; N cùng với THnh, Tú đã đe dọa, chửi và dùng tay nắm chặt C rồi lấy và Cầm đoạt của cháu C 01 xe máy điện biển kiểm soát 35MĐ2-006.77 và 01 điện thoại Samsung có tổng trị giá là 5.100.000 đồng.

Hnh vi đe dọa, chửi và nắm là Hnh vi dùng vũ lực; cháu C không giữ được tài sản, sợ hãi và bỏ chạy là đã thể hiện cháu C đã lâm vào tình trạng không thể chống cự được; bị cáo đã Cầm đoạt tài sản của cháu C với tổng giá trị tài sản

Cếm đoạt là 5.100.000 đồng. Hnh vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác; đã phạm vào tội “Cướp tài sản”, do người bị hại là cháu C là người dưới 16 tuổi, nên Hnh vi của bị cáo N đã phạm vào tình tiết tăng nặng định khung quy định tại điểm e khoản 2 Điều 168 của Bộ luật Hình sự.

Điều 168. Tội cướp tài sản

1. Người nào dùng vũ lực, đe dọa dùng vũ lực ngay tức khắc hoặc có Hnh vi khác làm cho người bị tấn công lâm vào tình trạng không thể chống cự được nhằm Cếm đoạt tài sản, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

.....

e) Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi...

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Y truy tố bị cáo N về tội danh và điều luật như Cáo trạng là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo N không có tình tiết tăng nặng. Về giảm nhẹ “Bị cáo trả lại tài sản Cếm đoạt và tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại là 1.000.000 đồng; tHnh khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người bị hại và người đại diện của người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo” theo quy định tại các điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3] Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng: Căn cứ vào tính chất mức độ của Hnh vi của bị cáo, vào tài sản và giá trị tài sản Cếm đoạt; cần phải áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo nhằm mục đích cải tạo, giáo dục, giúp đỡ bị cáo sửa chữa sai lầm để trở tHnh công dân có ích cho xã hội và góp phần đấu tranh phòng ngừa chung. Xét tại thời điểm phạm tội bị cáo N là người dưới 16 tuổi, nên khả năng nhận thức của bị cáo về tính chất nguy hiểm cho xã hội của Hnh vi phạm tội còn hạn chế; nguyên nhân dẫn đến việc phạm tội cũng là do bị người khác rủ rê, lôi kéo; bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ, trong đó có 02 tình tiết được quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; nên căn cứ vào khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để quyết định một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là cháu C và người liên quan là anh H đã nhận lại tài sản và tiền. Người bị hại, người đại diện của người bị hại; người liên quan không có yêu cầu gì thêm, nên Toà án không xem xét giải quyết.

[5] Về biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Vật chứng đã thu giữ gồm “01 xe máy điện biển kiểm soát 35MĐ2-006.77; 01 điện thoại Samsung Galaxy A13 và số tiền 2.300.000 đồng”.

- Đối với xe máy điện biển kiểm soát 35MĐ2-006.77 và điện thoại Samsung Galaxy A13 là tài sản của cháu C; Cơ quan điều tra đã trả lại cho bà Ngoan là mẹ cháu C.

- Về số tiền 2.300.000 đồng (trong đó của THnh giao nộp là 1.100.000 đồng, của Tú giao nộp là 1.200.000 đồng); đây là tiền các bị cáo trả lại tiền bán điện

thoại cho anh H; nên Cơ quan điều tra đã trả toàn bộ số tiền này cho anh H.

[6] Trong vụ án này còn có Tú và THnh cùng tham gia với N; nhưng Tú và THnh đã bỏ trốn. Cơ quan điều tra đã ra lệnh truy nã và tách vụ án ra để giải quyết sau. Đối với anh H là người đã mua xe máy điện 35MĐ2-006.77, nhưng anh H không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên Hnh vi của anh H không có dấu hiệu tội phạm.

[7] Về Hnh vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có khiếu nại gì; nên Hnh vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng pháp luật. Tại phiên tòa Kiểm sát viên đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[8] Về án phí: Bị cáo N bị kết án, nhưng bị cáo là trẻ em; nên bị cáo N được miễn chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm e khoản 2 Điều 168; các điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 6 Điều 91, khoản 2 Điều 101; khoản 1 Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Bảo N phạm tội “Cướp tài sản”.

Xử phạt: Nguyễn Bảo N 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; thời hạn phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 03/11/2023.

3. Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Nguyễn Bảo N.

Bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người bào chữa cho bị cáo; người bị hại, người đại diện của người bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người liên quan đến vụ án là anh H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Bị cáo, người đại diện BC, Người bào chữa
- Người bị hại, người đại diện
- Người liên quan
- C cục THA
- Công an huyện Y
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực